| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:* Bà **Phan Thị Nhã Quyên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Bà **Phan Thị Mướt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 666/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị L và anh T qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Vợ chồng sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Chị L khuyên nhưng anh T không nghe mà vợ chồng thường

xuyên cự cải, mâu thuẫn với nhau. Chị L và anh T đã ly thân, sống với nhau không hạnh phúc nên quyết định ly hôn, trả tự do cho nhau. Nay chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Y, sinh ngày 14/3/1998; Nguyễn Thị Tiểu N, sinh ngày 17/12/2000 và Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 14/9/2007. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Văn Trọng P đang sống với chị L.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Trọng P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Y và Nguyễn Thị Tiểu N đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

***2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T:*** Đối với bị đơn Nguyễn Văn T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân của Nguyễn Thị Trúc L (bản photo);

- Giấy khai sinh Nguyễn Thị Tiểu Y, Nguyễn Thị Tiểu N, Nguyễn Văn Trọng P (bản sao).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã T, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Vợ chồng sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, chị L yêu cầu Ly hôn vì cho rằng anh T không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Chị L khuyên nhưng anh T không nghe mà vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn với nhau. Chị L và anh T đã ly thân, sống với nhau không hạnh phúc nên quyết định ly hôn, trả tự do cho nhau. Nay chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, do chị L và anh T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử xem xét không công nhận chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng theo Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Y, sinh ngày 14/3/1998; Nguyễn Thị Tiểu N, sinh ngày 17/12/2000 và Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 14/9/2007. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Văn Trọng P đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Trọng P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Y và Nguyễn Thị Tiểu N đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Xét thấy, hiện nay con chung tên Nguyễn Văn Trọng P đang sống với chị L đang phát triển và được chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu P, nên việc chị L yêu cầu được nuôi cháu P là phù hợp nên chấp nhận. Anh T1 cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 14/9/2007. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không có yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Đối với các con chung tên Nguyễn Thị Tiểu Y và Nguyễn Thị Tiểu N đã trưởng thành và tự lập nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, riêng anh T1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0009178 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc L.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 14/9/2007. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*** Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai 0009178 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa**

**Phan Thị Nhã Quyên**